|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ CÔNG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  Số: /TTr - BCA | *Hà Nội, ngày tháng năm 2025*  |

**DỰ THẢO**

### TỜ TRÌNH

### Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều

### của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước

 Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Nghị quyết số … của Quốc hội về điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, Bộ Công an kính trình Chính phủ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 57); Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trong đó định hướng sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã; Công văn số 43-CV/BCĐ ngày 20/3/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW về kế hoạch tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, theo đó cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (Quyết định số 759).

Căn cứ Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, trong đó có giải pháp tăng cường chuyển đổi số trong công tác xây dựng, thi hành pháp luật, bảo vệ an toàn thông tin bí mật nhà nước.

**2. Cơ sở thực tiễn**

Luật Bảo vệ bí mật nhà nước được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 15/11/2018 tại kỳ họp thứ 6, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020. Qua 05 năm triển khai thực hiện Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành, công tác bảo vệ bí mật nhà nước đã đạt được nhiều kết quả quan trọng; nhận thức, ý thức bảo vệ bí mật nhà nước của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có nhiều chuyển biến tích cực, ngày càng được nâng cao; công tác thanh tra, kiểm tra được chú trọng; nhiều vụ việc lộ, mất bí mật nhà nước được phát hiện, điều tra, xử lý kịp thời... Những kết quả nêu trên góp phần bảo vệ, giữ vững an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, công tác bảo vệ bí mật nhà nước còn những tồn tại, hạn chế; một số quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước chưa phù hợp với thực tiễn, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay, cụ thể:

*a) Về soạn thảo, lưu giữ, đăng tải, truyền đưa bí mật nhà nước*

Luật Bảo vệ bí mật nhà nước nghiêm cấm hành vi soạn thảo, lưu giữ tài liệu có chứa nội dung bí mật nhà nước trên máy tính hoặc thiết bị khác đã kết nối hoặc đang kết nối với mạng Internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, trừ trường hợp lưu giữ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về cơ yếu (khoản 5 Điều 5); truyền đưa bí mật nhà nước trên phương tiện thông tin, viễn thông trái với quy định của pháp luật về cơ yếu (khoản 6 Điều 5); đăng tải bí mật nhà nước trên mạng máy tính (khoản 9 Điều 5). Quy định này đã phát sinh nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện, vì hầu hết hiện nay các ban, bộ, ngành, địa phương sử dụng máy tính có kết nối với nhau để soạn thảo, lưu giữ bí mật nhà nước, những mạng này được kết nối, hoạt động độc lập với mạng Internet nên việc bắt buộc trang bị giải pháp cơ yếu khi soạn thảo, lưu giữ, đăng tải, truyền đưa bí mật nhà nước trên mạng máy tính không bảo đảm tính khả thi và tốn kém nhiều kinh phí để thực hiện. Do đó, ngoài giải pháp cơ yếu, cần mở rộng thêm giải pháp, biện pháp khác bảo vệ an toàn bí mật nhà nước để phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của khoa học công nghệ hiện nay.

*b) Phạm vi bí mật nhà nước*

Để phù hợp với ngành, lĩnh vực sau sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy một số cơ quan ở trung ương, địa phương và phù hợp với chủ trương đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, cần sửa đổi, bổ sung phạm vi bí mật nhà nước làm cơ sở để Thủ tướng Chính phủ quyết định ban hành danh mục bí mật nhà nước bảo đảm thống nhất, chính xác, toàn diện.

*c) Thẩm quyền xác định bí mật nhà nước và độ mật*

Điều 10 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước quy định người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác định bí mật nhà nước và độ mật, được phép hoặc không được phép sao, chụp nên đã gây khó khăn trong quá trình áp dụng khi việc quyết định độ mật chỉ có người đứng đầu, trong khi lĩnh vực công tác đã được phân công cho cấp phó phụ trách, chịu trách nhiệm, đặc biệt khi người đứng đầu đi công tác, vắng mặt tại cơ quan sẽ dẫn đến nhiều công việc liên quan đến bí mật nhà nước không được xử lý kịp thời.

Quy định trên tài liệu phải thể hiện nội dung được phép hoặc không được phép sao, chụp cũng ảnh hưởng đến việc triển khai các văn bản bí mật nhà nước và hạn chế thẩm quyền của người được Luật quy định cho phép sao, chụp. Do đó, cần sửa đổi quy định này nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn; tháo gỡ vướng mắc trong giải quyết, xử lý tài liệu bí mật nhà nước.

*d) Hình thức văn bản quy định danh mục bí mật nhà nước và chủ thể lập danh mục bí mật nhà nước đối với danh mục bí mật nhà nước của tổ chức chính trị - xã hội*

Về hình thức văn bản quy định danh mục bí mật nhà nước: Luật Bảo vệ bí mật nhà nước quy định trình tự, thủ tục ban hành danh mục bí mật nhà nước theo trình tự, thủ tục ban hành văn bản hành chính nhưng chưa quy định rõ hình thức của văn bản này dẫn đến cách hiểu khác nhau của một số cơ quan, tổ chức trong quá trình lập danh mục. Do đó, cần quy định cụ thể hình thức của văn bản này để áp dụng thống nhất.

Về chủ thể lập danh mục bí mật nhà nước đối với danh mục bí mật nhà nước của tổ chức chính trị - xã hội: theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước thì người đứng đầu cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội lập danh mục bí mật nhà nước của tổ chức chính trị - xã hội. Ngày 12/4/2025, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 60-NQ/TW, trong đó đồng ý chủ trương sắp xếp, tinh gọn hợp nhất cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; đồng thời thể chế hóa chủ trương trên tại dự thảo Hiến pháp sửa đổi (Công đoàn Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam). Do đó, cần sửa đổi, bổ sung chủ thể lập danh mục bí mật nhà nước của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội cho phù hợp với chủ trương của Đảng và quy định của Hiến pháp sửa đổi.

*đ) Thẩm quyền sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước*

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp tại Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 và Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025. Theo đó, mô hình chính quyền địa phương được tổ chức theo 2 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không tổ chức mô hình cấp huyện. Tuy nhiên, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước quy định cấp xã không có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước; cấp phó chỉ được cho phép sao, chụp khi người đứng đầu có thẩm quyền sao, chụp ủy quyền bằng văn bản. Quy định này gây khó khăn cho cấp xã khi triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và phát sinh thủ tục hành chính nội bộ không cần thiết trong việc ủy quyền cho phép sao, chụp; ảnh hưởng đến công tác thường xuyên của cơ quan, tổ chức.

Ngoài ra, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước chưa quy định thẩm quyền sao, chụp đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu tổ chức đảng của cơ quan, đơn vị có tổ chức đảng hoạt động nên cần thiết phải bổ sung thẩm quyền của đối tượng trên.

*e) Thẩm quyền quyết định cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước độ Tuyệt mật cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài*

Luật Bảo vệ bí mật nhà nước quy định Thủ tướng Chính phủ là người duy nhất có thẩm quyền cho phép cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước độ Tuyệt mật cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài. Tuy nhiên, trên thực tiễn áp dụng quy định này còn gặp khó khăn khi Thủ tướng đi công tác hoặc bận giải quyết, xử lý vụ việc quan trọng, cấp bách của Chính phủ. Do đó, cần mở rộng thẩm quyền cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước độ Tuyệt mật cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài để đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

*g) Về xác định thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước*

Khoản 2 Điều 19 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước quy định trường hợp thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước về hoạt động ngắn hơn thời hạn theo quy định của Luật thì phải xác định cụ thể tại tài liệu. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng quy định này còn có cách hiểu khác nhau đối với việc xác định cụ thể tại tài liệu (thể hiện bằng cách chú thích trên tài liệu hay sử dụng con dấu). Do đó, cần sửa đổi, bổ sung quy định này để áp dụng thống nhất, tránh cách hiểu khác nhau.

*h) Về thu hồi tài liệu sau hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức Việt Nam*

 Điểm e khoản 1 Điều 17 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước quy định tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải được thu hồi sau hội nghị, hội thảo, cuộc họp. Tuy nhiên, khi thực hiện quy định trên gặp nhiều vướng mắc, bất cập trong thực tiễn, đặc biệt là các hội nghị tập huấn, tổng kết, triển khai công tác năm, cần thiết phải phát tài liệu cho đại biểu tham dự để nghiên cứu, triển khai sau hội nghị, hội thảo. Ngoài ra, việc thu hồi sau nghị, hội thảo, cuộc họp dẫn đến các cơ quan, đơn vị có nhu cầu phải tiến hành thủ tục đề nghị cung cấp làm phát sinh thủ tục hành chính và ảnh hưởng đến việc triển khai nội dung công tác của hội nghị, hội thảo, cuộc họp. Vì vậy, cần sửa đổi, bổ sung quy định này nhằm phù hợp với thực tiễn công tác của cơ quan, tổ chức và tính chất hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước hiện nay.

*i) Về gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước*

Luật Bảo vệ bí mật nhà nước quy định khi hết thời hạn bảo vệ 10 năm đối với bí mật nhà nước độ Mật, 20 năm đối với bí mật nhà nước độ Tối mật, 30 năm đối với bí mật nhà nước độ Tuyệt mật thì cơ quan, tổ chức xác định bí mật nhà nước xem xét tiến hành gia hạn thời hạn bảo vệ nếu việc giải mật gây nguy hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc. Tuy nhiên, thực tiễn phát sinh việc cần thiết phải gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước trong trường hợp thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước kết thúc trước thời hạn 10 năm hoặc 20 năm hoặc 30 năm (theo quy định tại khoản 2 Điều 19) nhưng do điều kiện khách quan cần thiết phải gia hạn thời hạn để bảo vệ, chưa được quy định trong Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, như: trong hoạt động bắt, khám xét (đối tượng bỏ trốn hoặc vắng mặt), hoạt động thanh tra, kiểm tra, giải quyết tố cáo…(thay đổi thời gian công khai kết luận thanh tra, kiểm tra, giải quyết tố cáo). Do đó, cần thiết phải bổ sung trường hợp này để phòng ngừa lộ, mất bí mật nhà nước.

*k) Về đương nhiên giải mật và thẩm quyền thành lập hội đồng giải mật, thẩm quyền giải mật*

Về đương nhiên giải mật: Luật Bảo vệ bí mật nhà nước quy định 02 trường hợp đương nhiên giải mật, gồm hết thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước và thời gian gia hạn thời hạn bảo vệ, không còn thuộc danh mục bí mật nhà nước. Tuy nhiên, thực tiễn phát sinh trường hợp sử dụng bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức khác, khi bí mật nhà nước đó đã được cơ quan, tổ chức xác định tiến hành giải mật thì cũng đồng thời được giải mật tại tài liệu khác nhưng Luật Bảo vệ bí mật nhà nước không quy định trường hợp này, dẫn đến cơ quan, tổ chức sử dụng phải giải mật theo trình tự, thủ tục thành lập Hội đồng giải mật theo quy định của Luật làm phát sinh thêm thủ tục và không đáp ứng yêu cầu công tác trong tình huống cấp bách. Vì vậy, cần thiết phải bổ sung trường hợp đương nhiên giải mật để phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu công tác.

Về thẩm quyền giải mật: Luật Bảo vệ bí mật nhà nước quy định người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác định bí mật nhà nước có thẩm quyền xem xét quyết định giải mật. Quá trình áp dụng quy định này gặp một số khó khăn, vướng mắc khi cấp trưởng đi công tác hoặc vì lý do khách quan mà vắng mặt ở cơ quan; đồng thời Chủ tịch hội đồng giải mật là người chủ trì tổ chức cuộc họp, đánh giá việc giải mật nên nắm rõ bí mật nhà nước cần giải mật. Do đó, cần sửa đổi, bổ sung quy định này nhằm bảo đảm tính khả thi và phù hợp với thực tiễn công tác bảo vệ bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức.

*l) Về trách nhiệm của người đứng đầu của cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật nhà nước*

Luật Bảo vệ bí mật nhà nước (khoản 1 Điều 25) quy định người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật nhà nước có trách nhiệm ban hành nội quy bảo vệ bí mật nhà nước trong cơ quan, tổ chức. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai thực hiện quy định này cho thấy, cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật nhà nước gồm nhiều cấp khác nhau: cấp vụ, cục; cấp sở, ban, ngành; cấp huyện, xã, phòng, đội. Trong khi đó, những đơn vị này có tổ chức bộ máy đơn giản, số lượng công chức, viên chức, người lao động không lớn nên việc bắt buộc phải ban hành nội quy bảo vệ bí mật nhà nước là không cần thiết.

*m)* *Ngoài ra, để phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy ở trung ương và địa phương sau sắp xếp, tinh gọn, cần bãi bỏ một số cụm từ quy định trong Luật* *Bảo vệ bí mật nhà nước*, như Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao (điểm e khoản 1 Điều 11), tổng cục (điểm n khoản 1, điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 11), Tòa án nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao (điểm đ khoản 2 Điều 11), huyện ủy, quận ủy, thành ủy, thị ủy (điểm e khoản 2 Điều 11), đảng đoàn, ban cán sự đảng, tổ chức xã hội (khoản 3 Điều 24)…

 Để khắc phục những vướng mắc, bất cập nêu trên, phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy sau tinh gọn và kịp thời thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số thì việc xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước là yêu cầu khách quan và cần thiết.

**II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT**

**1. Mục đích ban hành văn bản**

Mục đích xây dựng dự án Luật nhằm thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng tại Nghị quyết số 57, Nghị quyết số 66; phục vụ triển khai Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp theo Quyết định số 759; đồng thời bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn công tác bảo vệ bí mật nhà nước.

**2. Quan điểm xây dựng dự án Luật**

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước được xây dựng trên cơ sở quán triệt các quan điểm chỉ đạo sau đây:

a) Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Đảng, Nhà nước về công tác bảo vệ bí mật nhà nước.

b) Bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013, được sửa đổi, bổ sung năm 2025; tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; phù hợp với điều kiện, yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước trong tình hình hiện nay.

c) Thể chế hóa chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số và đổi mới công tác xây dựng, thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới theo tinh thần Nghị quyết số 57 và Nghị quyết số 66.

d) Việc xây dựng dự án Luật phải khắc phục triệt để những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn; kế thừa những quy định còn phù hợp; tuân thủ điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

đ) Tạo khuôn khổ pháp lý đầy đủ cho công tác bảo vệ bí mật nhà nước đáp ứng yêu cầu xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế.

**III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO LUẬT**

Căn cứ kết quả theo dõi, tổng hợp, kiến nghị, phản ánh của các ban, bộ, ngành, địa phương; kết quả thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước cho thấy quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước tiếp tục đáp ứng yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước trong giai đoạn hiện nay nên Bộ Công an không đề xuất sửa đổi, bổ sung.

**IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT**

Để xây dựng dự án Luật, Bộ Công an đã chủ động, tích cực phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan tiến hành triển khai các công việc sau theo trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025:

**1.** Xây dựng dự thảo Luật, Tờ trình và các văn bản có liên quan theo quy định; lấy ý kiến chuyên gia, ý kiến của các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự án Luật và cơ quan, tổ chức có liên quan; đăng tải dự thảo luật,tờ trình trên cổng thông tin điện tử của Bộ Công an; tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật và gửi Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định.

**2.** Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Công an đã nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật.

**V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT**

**1. Bố cục**

Dự thảo Luật gồm 02 điều, trong đó Điều 1 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước (sửa đổi 13 điều; bãi bỏ 01 điều, 02 khoản), Điều 2 hiệu lực thi hành.

**2. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật**

a)Sửa đổi khoản 5, khoản 6, khoản 9 Điều 5 theo hướng cho phép soạn thảo, lưu giữ, đăng tải tài liệu có chứa nội dung bí mật nhà nước trên mạng máy tính (mạng nội bộ); mở rộng biện pháp bảo vệ đối với việc lưu giữ, đăng tải, truyền đưa bí mật nhà nước theo hướng ngoài biện pháp mã hóa cơ yếu, còn được bảo vệ bằng biện pháp khác bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan để phù hợp với điều kiện hạ tầng, phương tiện, thiết bị của ban, bộ, ngành, địa phương và sự phát triển khoa học công nghệ hiện nay;

b) Sửa đổi Điều 7 về phạm vi bí mật nhà nước để phù hợp với ngành, lĩnh vực sau sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy; đưa ra khỏi phạm vi bí mật nhà nước những thông tin có xu hướng công khai khi hội nhập quốc tế và không bảo vệ theo danh mục bí mật nhà nước hiện hành, như thông tin về “dân số”, “người có công với cách mạng”, “bình đẳng giới”, “trẻ em”, “phương pháp, bí quyết sáng tạo, trao truyền di sản văn hóa phi vật thể”, “phương pháp, bí quyết tuyển chọn huấn luyện viên, vận động viên các môn thể thao thành tích cao; biện pháp, bí quyết phục hồi sức khỏe vận động viên sau luyện tập, thi đấu; đấu pháp trong thi đấu thể thao thành tích cao”;

c) Sửa đổi khoản 1 Điều 9 theo hướng quy định rõ hình thức văn bản quy định danh mục bí mật nhà nước để tránh cách hiểu khác nhau.

Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 9 về chủ thể lập danh mục của các tổ chức chính trị - xã hội theo hướng Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lập danh mục bí mật nhà nước của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cho phù hợp với Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng và dự thảo Hiến pháp sửa đổi. Theo đó, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội sẽ áp dụng chung 01 danh mục bí mật nhà nước (tương tự cơ quan, tổ chức Đảng), thay vì 06 danh mục như hiện nay;

d) Sửa đổi, bổ sung Điều 10 về xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước theo hướng mở rộng thẩm quyền xác định là người đứng đầu, cấp phó được ủy quyền của người đứng đầu cơ quan, tổ chức thay vì người đứng đầu như quy định hiện hành nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn công tác của cơ quan, tổ chức; bỏ quy định về được phép hoặc không được phép sao, chụp, vì không phù hợp với thực tiễn và gây cản trở việc triển khai nội dung tài liệu bí mật nhà nước tại cơ quan, tổ chức tiếp nhận;

đ) Sửa đổi, bổ sung Điều 11 về sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước nhằm phù hợp với mô hình tổ chức, bộ máy sau tinh gọn ở trung ương, địa phương, cụ thể:

Bãi bỏ thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, người đứng đầu tổng cục; người đứng đầu các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

Chuyển thẩm quyền cho phép sao, chụp của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện xuống cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp khu vực; thẩm quyền cho phép sao, chụp của Bí thư huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xuống cho Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và tương đương.

Bổ sung thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước đối với cơ quan có tổ chức đảng, vì Luật Bảo vệ bí mật nhà nước không quy định thẩm quyền sao, chụp đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu tổ chức đảng trong cơ quan Nhà nước dẫn đến khó khăn khi tiến hành sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước do cơ quan, tổ chức đảng ban hành, phát hành, ví dụ: theo quy định của Luật thì Bộ trưởng một bộ có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước đến độ Tuyệt mật nhưng Bí thư Đảng ủy tổ chức đảng của bộ đó lại không có thẩm quyền cho phép sao, chụp.

Bổ sung thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ Tối mật đối với Kho bạc Nhà nước khu vực, Hải quan khu vực, Dự trữ Nhà nước khu vực; Bảo hiểm xã hội, Chi Cục thuế, Chi Cục thống kê cấp tỉnh, vì đây là các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, có trụ sở độc lập nhưng theo quy định hiện hành thì người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu các cơ quan này chỉ có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ Mật nên gặp nhiều khó khăn trong triển khai các tài liệu bí mật nhà nước độ Tối mật, ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo, điều hành, giải quyết, xử lý công việc.

Bổ sung một khoản quy định người có thẩm quyền cho phép sao, chụp chỉ được cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước thuộc phạm vi quản lý nhằm tránh tình trạng sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước do được thu thập không đúng quy định. Thực tiễn đấu tranh, làm rõ các vụ án lộ, mất bí mật nhà nước có xảy ra việc sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước do thu thập trái phép nhằm hợp lý hóa thành bản sao đúng quy định. Do đó, cần bổ sung quy định này để bảo đảm chặt chẽ.

Bãi bỏ quy định về cấp phó có thẩm quyền cho phép sao, chụp khi được cấp trưởng ủy quyền bằng văn bản nhằm cắt giảm thủ tục hành chính trong nội bộ cơ quan, tổ chức và bảo đảm phù hợp với lĩnh vực, trách nhiệm của cấp phó được giao giúp cấp trưởng. Theo đó, dự thảo Luật quy định theo hướng cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước cũng có thẩm quyền cho phép sao, chụp;

e) Sửa đổi khoản 1 Điều 15 về thẩm quyền quyết định cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam theo hướng làm rõ hơn, tránh cách hiểu khác nhau khi áp dụng quy định trên thực tế, cụ thể: người có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước thì có thẩm quyền quyết định cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước thuộc phạm vi quản lý tương ứng với độ mật mà người đó có thẩm quyền cho phép sao, chụp;

g) Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 16 về thẩm quyền quyết định cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước độ Tuyệt mật cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài. Theo đó, ngoài Thủ tướng Chính phủ, dự thảo Luật bổ sung Tổng Bí thư Ban Chấp hành Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội có thẩm quyền quyết định cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước độ Tuyệt mật theo lĩnh vực chỉ đạo, điều hành để phù hợp với thực tiễn công tác bảo vệ bí mật nhà nước và tổ chức, bộ máy trong hệ thống chính trị;

h) Sửa đổi điểm e khoản 1 Điều 17 về thu hồi tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước sau hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức Việt Nam. Theo đó, việc thu hồi tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước sau hội nghị, hội thảo, cuộc họp sẽ do người đứng đầu cơ quan, tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp quyết định thay vì quy định bắt buộc phải thu hồi như trong Luật Bảo vệ bí mật nhà nước hiện hành;

i) Sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 18 theo hướng bổ sung quy định về thu hồi tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước sau hội nghị, hội thảo, cuộc họp cho phù hợp với việc sửa đổi điểm e khoản 1 Điều 17;

k) Sửa đổi khoản 2 Điều 19 đối với thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước về hoạt động theo hướng quy định rõ hơn việc thể hiện thời hạn bảo vệ trên tài liệu bằng dấu “Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước” để áp dụng thống nhất;

l) Bổ sung một khoản (khoản 5) vào sau khoản 4 Điều 20 về gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 19, vì trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, giải quyết tố cáo, hoạt động bắt, khám xét do lý do khách quan mà không thể tiến hành (như đối tượng bắt, khám xét vắng mặt, bỏ trốn; việc thay đổi thời gian công khai kết luận thanh tra, kiểm tra, giải quyết tố cáo…) nhưng đã hết thời hạn bảo vệ thì cần thiết phải tiến hành gia hạn để phòng ngừa lộ bí mật nhà nước;

m) Bổ sung 01 điểm (điểm d) vào sau điểm c khoản 1 Điều 22 quy định về trường hợp đương nhiên giải mật. Theo đó, dự thảo Luật bổ sung trường hợp sử dụng bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức khác mà bí mật nhà nước đó được cơ quan, tổ chức xác định tiến hành giải mật thì bí mật nhà nước được cơ quan, tổ chức sử dụng cũng được giải mật;

Sửa đổi điểm c khoản 4 Điều 22 về thẩm quyền xem xét, quyết định giải mật theo hướng ngoài người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác định bí mật nhà nước thì Chủ tịch hội đồng giải mật có trách nhiệm xem xét, quyết định việc giải mật.

n) Bãi bỏ điểm g khoản 2 Điều 24 về nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công an trong việc quy định mẫu dấu chỉ độ mật, văn bản xác định độ mật và mẫu giấy tờ về bảo vệ bí mật nhà nước. Theo đó, nhiệm vụ, quyền hạn này sẽ do Chính phủ quy định trực tiếp tại Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, vì tại các điều luật quy định về xác định bí mật nhà nước, sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, vận chuyển, giao nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước đã giao Chính phủ hướng dẫn, quy định chi tiết. Do đó, để Chính phủ quy định trực tiếp mẫu, giấy tờ về bảo vệ bí mật nhà nước sẽ bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của văn bản (tương tự Nghị định số 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư), tạo điều kiện thuận lợi khi áp dụng, tra cứu;

o) Bãi bỏ khoản 1 Điều 25 về trách nhiệm ban hành nội quy bảo vệ bí mật nhà nước của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật nhà nước, vì thực tiễn triển khai thực hiện quy định này cho thấy, cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật nhà nước gồm nhiều cấp khác nhau, như: cấp vụ, cục; cấp sở, ban, ngành; cấp huyện, xã; cấp phòng; cấp đội. Trong khi đó, những đơn vị này có tổ chức bộ máy đơn giản, số lượng công chức, viên chức, người lao động không lớn nên việc quy định người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật nhà nước phải ban hành nội quy bảo vệ bí mật nhà nước là không cần thiết. Theo đó, các cơ quan, tổ chức này sẽ ban hành nội quy hoặc quy định về bảo vệ bí mật nhà nước khi cơ quan, tổ chức cấp trên quy định trong quy chế bảo vệ bí mật nhà nước.

Đồng thời, bãi bỏ cụm từ “nội quy” tại khoản 2 Điều 25, điểm a khoản 1 Điều 26 cho phù hợp với việc bãi bỏ khoản 1 Điều 25.

p) Bãi bỏ Điều 28 về điều khoản chuyển tiếp do đã hết thời gian thực hiện từ ngày 01/7/2021.

**VI. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ**

Trên đây là Tờ trình về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, Bộ Công an kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

*(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước; (2) Báo cáo thẩm định và báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định; (3) Bản so sánh dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung; (4) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng;- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;- Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Tư pháp (để phối hợp);- Lưu: VT, ANCTNB(P2). | BỘ TRƯỞNGĐại tướng Lương Tam Quang |